

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
Số: 7/HTC-ITC

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC VIỄN THÔNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Tầng 6 – Lotus Building, Số 2 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 02435739419

Fax: 02435729834

CÔNG BỐ

Chất lượng dịch vụ: **Kênh thuê riêng quốc tế (IPLC)** như sau:

TT	Thuộc tính/ Tham số	Mức công bố của HTC-ITC	Tham chiếu QCVN 4:2010/BTTTT
I	Giao diện		
	<i>SDH</i>	STM-1/4/16/64 theo ITU-T G.957	STM-1/4/16/64 đáp ứng ITU-T G.957
	<i>PDH</i>	E1/E3/DS3 theo ITU-T G.703	E1/E3/DS3 theo ITU-T G.703
	<i>Ethernet</i>	FE/GE/10GE (MTU = 1500 bytes - 9,000 bytes tùy theo hợp đồng cung cấp)	IEEE 803.3u,z, ab
II	Chất lượng dịch vụ		
2.1	Kênh PDH/ SDH		
1	Tính sẵn sàng của dịch vụ - tính trong 1 tháng theo chu kỳ tính cước <i>Service Availability</i>	99,95 %	Tiêu chuẩn của HTC
2	Tỉ lệ mất gói (tính trong 1 tháng dương lịch) <i>Packet loss rate</i>	0,5 %	Tiêu chuẩn của HTC
3	Dung sai định thời của Công ten nơ ảo (VC – Virtual Container)	± 4,6 ppm	± 4,6 ppm



4	Độ trễ <i>Delay</i>	<i>Trễ đầu-cuối một chiều phải nhỏ hơn $(2 + 0,005 G)$ ms, trong đó G là khoảng cách địa lý tính bằng km.</i> <i>Độ trễ RTD 2 chiều tham khảo, đo giữa các POP của HTC:</i> - Hà Nội – TP. HCM: < 23 ms - Hà Nội – Đà Nẵng: < 12 ms - Đà Nẵng – TP.HCM:< 12 ms - Liên tỉnh nội vùng: < 7 ms - Nội hạt: < 3 ms - Hà Nội – HongKong: < 21ms (cáp đất) - Đà Nẵng – HongKong: < 21ms (cáp biển APG) - HCM – HongKong: < 25ms (cáp biển AAG) - HCM – Singapore: < 21ms (cáp biển IA) - HCM – Singapore: < 32ms (cáp biển AAE-1, MCT) - HCM – Singapore: < 42ms (cáp đất Campuchia – Thái Lan – Malaysia – Singapore) - HCM– PhnomPenh: < 15ms	<i>Với các kênh thuê riêng không bao gồm truyền dẫn vệ tinh, trễ đầu-cuối một chiều phải nhỏ hơn $(10 + 0,01 G)$ ms, trong đó G là khoảng cách địa lý tính bằng km.</i> <i>Độ trễ 2 chiều tham khảo:</i> - Hà Nội – TP. HCM: 60 ms - Hà Nội – Đà Nẵng: 40 ms - Đà Nẵng – TP.HCM: 40 ms - Hà Nội – HongKong: 60 ms (cáp đất) - HCM– HongKong: 60 ms (cáp biển)
5	Rung pha	Đáp ứng TCVN 9374 : 2012	Đáp ứng TCVN 9374: 2012
6	Tỷ lệ giây lỗi (tỷ lệ phần trăm đương đương số giây lỗi trong 24 giờ) <i>Errored Second Ratio (ESR)</i>	VC-4: 8,00% tương đương 6912 giây VC-3: 3,75% tương đương 3240 giây VC-12: 2,50% tương đương 2160 giây	VC-4: 8,00% tương đương 6912 giây VC-3: 3,75% tương đương 3240 giây VC-12: 2,50% tương đương 2160 giây
7	Tỷ lệ giây lỗi nghiêm trọng (tỷ lệ phần trăm đương đương số	VC-4: 0,10% tương đương 86,4 giây	VC-4: 0,10% tương đương 86,4 giây

	giây lỗi nghiêm trọng trong 24 giờ) <i>Severely Errored Seconds Ratio (SESR)</i>	VC-3: 0,10% tương đương 86 giây VC-12: 0,10% tương đương 86 giây	VC-3: 0,10% tương đương 86 giây VC-12: 0,10% tương đương 86 giây
8	Tỷ lệ lỗi khối nền (giá trị S1 theo ITU-T M2100) (tỷ lệ phần trăm đương đương số khối lỗi trong 24 giờ) <i>Background Block Error Ratio (BBER)</i>	VC-4: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 69120 khối VC-3: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 69120 khối VC-12: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 17280 khối	VC-4: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 69120 khối VC-3: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 69120 khối VC-12: $1,0 \times 10^{-4}$ tương đương 17280 khối
2.2	Kênh Ethernet trên hạ tầng TDM		
1	Tính sẵn sàng của dịch vụ - tính trong 1 tháng theo chu kỳ tính cước <i>Service Availability</i>	99,95 %	Tiêu chuẩn của HTC
2	Tỉ lệ mất gói (tính trong 1 tháng dương lịch) <i>Packet loss rate</i>	0,5 %	Tiêu chuẩn của HTC
3	Độ trễ <i>Delay</i>	Trễ đầu-cuối một chiều phải nhỏ hơn $(2 + 0,005 G)$ ms, trong đó G là khoảng cách địa lý tính bằng km. Độ trễ RTD 2 chiều tham khảo, đo giữa các POP của HTC: - Hà Nội – TP. HCM: < 23 ms - Hà Nội – Đà Nẵng: < 12 ms - Đà Nẵng – TP.HCM: < 12 ms - Liên tỉnh nội vùng: < 7 ms - Nội hạt: < 3 ms - Hà Nội – HongKong: < 21ms (cáp đất) - Đà Nẵng – HongKong: < 21ms (cáp biển APG) - HCM – HongKong: < 25ms	Với các kênh thuê riêng không bao gồm truyền dẫn vệ tinh, trễ đầu-cuối một chiều phải nhỏ hơn $(10 + 0,01 G)$ ms, trong đó G là khoảng cách địa lý tính bằng km. Độ trễ 2 chiều tham khảo: - Hà Nội – TP. HCM: 60 ms - Hà Nội – Đà Nẵng: 40 ms - Đà Nẵng – TP.HCM: 40 ms - Hà Nội – HongKong: 60 ms (cáp đất)

		(cáp biển AAG) - HCM – Singapore: < 21ms (cáp biển IA) - HCM – Singapore: < 32ms (cáp biển AAE-1, MCT) - HCM – Singapore: < 42ms (cáp đất Campuchia – Thái Lan – Malaysia – Singapore) - HCM– PhnomPenh: < 15ms	- HCM– HongKong: 60 ms (cáp biển)
4	Tỷ lệ mất khung <i>Frame loss</i>	<10 ⁻⁶	Tiêu chuẩn của HTC
5	Rung pha của khung <i>Frame jitter</i>	Trung bình: <100 μ s	Tiêu chuẩn của HTC
III Hỗ trợ khách hàng			
	Trực hỗ trợ khách hàng	24/7	Hợp đồng cung cấp
	Thời gian phản hồi của HTC- ITC sau khi được khách hàng thông báo sự cố	15 phút	Tiêu chuẩn của HTC
	Thời gian gửi thông báo bảo trì cho khách hàng trước khi thực hiện tác động	Tối thiểu 2 ngày	Tiêu chuẩn của HTC
	Thời gian khắc phục sự cố trung bình (tiêu chuẩn)	4 giờ	Tiêu chuẩn của HTC

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

Đại diện doanh nghiệp



NGUYỄN BÌNH MINH